TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22-5-2025
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Ngọc và ông Nguyễn Đức Hiền.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Ánh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố D, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang
(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn năm 2005, trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu thời gian ngắn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện V (nay là phường B, thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Sau khi tổ chức lễ cưới thì chị về nhà anh D làm dâu ngay. Vợ chồng sống riêng, không sống chung cùng gia đình, nay vợ chồng có 03 con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Nguyễn nhân mâu thuẫn là do anh D không quan

tâm tới vợ con, cũng không chịu khó làm ăn, kinh tế gia đình thì eo hẹp. Chị đã góp ý với anh D nhiều lần nhưng anh D không thay đổi. Anh D sống rất cục cằn, không tình cảm, không chăm lo cho cuộc sống chung của gia đình. Vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng 10 năm nay không có quan hệ vợ chồng. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hòa giải được. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Nguyễn Văn D được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 07/7/2006, Nguyễn Xuân T, sinh ngày 03/02/2008, Nguyễn Thanh C, sinh ngày 13/01/2015. Hiện tại cháu M đã trưởng thành và có gia đình riêng. Cháu T và cháu C hiện đang sống cùng chị, đời sống phát triển bình thường. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi cả hai con chung của vợ chồng.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con cùng chị vì hiện tại chị đang làm công nhân, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng, đảm bảo cho việc nuôi con và sinh sống của ba mẹ con chị.

Về tài sản chung, công nợ, về công sức, ruộng đất: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Tại bản tự khai và lời khai tại Toà án bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã V vào tháng 7/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh đến năm 2007 thì vợ chồng ra ở riêng và có 3 con chung.

Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm kể từ khi kết hôn nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thậm trí còn xảy ra xô xát. Tuy vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan hệ vợ chồng khoảng 10 năm nay, cũng đã nhiều lần vợ chồng hoà giải để hàn gắn tình cảm nhưng không tìm được tiếng nói chung vì bất đồng quan điểm trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa lánh.

Nay anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Nguyễn Thị H, nếu chị H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 07/7/2006, cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 03/02/2008 và cháu Nguyễn Thanh C, sinh ngày 13/01/2015. Hiện cháu M đã trưởng thành và đã có gia đình riêng. Cháu T và cháu C hiện đang sống cùng chị H. Nay ly hôn, chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu T và cháu C thì anh đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn D không yêu cầu toà án giải quyết.

- Tài sản chung, công sức: Vợ chồng không có gì vướng mắc, nay ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Vợ chồng không nợ ai, không cho cho ai vay, nay không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về ruộng đất nông nghiệp: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Nguyễn Văn D không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến về việc thuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 03/02/2008 và cháu Nguyễn Thanh C, sinh ngày 13/01/2015 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

Tài sản chung, vay nợ, công sức, ruộng đất nông nghiệp: Không giải quyết.

Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các trình tự tiến hành tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn chị

Nguyễn Thị H, bị đơn anh Nguyễn Văn D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo trình tự thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn D, kết hôn tháng 7 năm 2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện V (nay là phường B, thị xã V), tỉnh Bắc Giang là đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận khoảng 10 năm, không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, đến khoảng năm 2015 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau, trong cuộc sống hàng ngày hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã thậm trí xảy ra xô xát. Vợ chồng cũng đã hoà giải, hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng đều không có kết quả, dẫn đến vợ chồng không còn quan hệ vợ chồng 10 năm nay. Hội đồng xét xử xét thấy chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn D đã ly thân từ 10 năm nay nay, quá trình ly thân thể hiện anh chị không có biện pháp tháo gỡ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, bản thân anh Nguyễn Văn D xác định vẫn còn tình cảm với chị Nguyễn Thị H, tuy nhiên nếu chị Nguyễn Thị H cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý, điều đó thể hiện cuộc hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thi H1 đối với anh Nguyễn Văn D là hoàn toàn phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn D có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 07/7/2006, cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 03/02/2008 và cháu Nguyễn Thanh C, sinh ngày 13/01/2015. Hiện cháu M đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên không đặt thành yêu cầu giải quyết. Cháu T và cháu C hiện đang sống cùng chị H. Nay ly hôn cháu T và cháu C có nguyện vọng sống cùng chị H, hơn nữa chị H có nguyện vọng nuôi cả hai cháu và anh D đồng ý để chị H nuôi dưỡng hai cháu, do vậy cần tiếp tục giao chị H cháu Nguyễn Xuân T và cháu Nguyễn Thanh C là phù hợp với nguyện vọng của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Tài sản chung, vay nợ, công sức, ruộng đất nông nghiệp: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn D không có yêu cầu, do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thi H1 phải chịu án phí ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 57, 81, 83, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 03/02/2008 và cháu Nguyễn Thanh C, sinh ngày 13/01/2015.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

3. Về tài sản, vay nợ, công sức, ruộng đất nông nghiệp: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0001602 ngày 02/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. (xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
- CCTHADS thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND phường Bích Động;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tân Thịnh